

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiên Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Trường H.

- Ông Phạm Văn V.

Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Cao Thị H**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 263F/6 khu vực 6, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: 388D11, tổ 3, khu vực 2, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: 263F/6 khu vực 6, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Ngọc T qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, sau đó có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135, ngày 09/11/2012.

Bà trình bày quá trình chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, có với nhau một con chung tên Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày: 26/10/2010 thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau, hiện ở chung nhà nhưng vợ chồng sống ly thân với nhau, mặc dù có tìm biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng không thành, mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày: 26/10/2010. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp ông Tuấn muốn nuôi bà đồng ý để ông T trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nếu sau này có tranh chấp tài sản chung, nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Cao Thị H về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn, về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn không gì trầm trọng, ông yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày: 26/10/2010. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết ly hôn. Về cấp dưỡng không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nếu sau này có tranh chấp tài sản chung, nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác.

Tòa án tiến hành giải quyết vụ kiện theo quy định, do hòa giải không thành. Tòa án tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày theo đơn khởi kiện.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do là tự tước đi quyền và lợi ích của mình nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn giữa công dân với công dân; Bà Cao Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Ngọc T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Quan hệ tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn

nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo Điểm a Khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Do bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T là phù hợp.

[3] Xét tính hợp pháp: Giữa bà Cao Thị H và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135/2012, quyển 2, cấp ngày 09/11/2012. Nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về nội dung: Bà Cao Thị H trình bày bà và ông Tuấn đã có thời gian dài chung sống vợ chồng với nhau, đồng thời giữa bà và ông T cũng có nhiều mâu thuẫn kéo dài, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được biện pháp nào để hàn gắn, bà và ông T mặc dù sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau hơn một năm nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như lúc đầu, không thể chung sống với bị đơn được nữa nên yêu cầu ly hôn, đồng thời bà có ý kiến việc nuôi con tùy ông T muốn nuôi bà thống nhất.

Hội đồng xét xử xét quá trình chung sống và phân tích: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, các thành viên trong gia đình phải có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn sự tin yêu, quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về cách đối xử vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày không hòa hợp, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Ngọc T. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án tiến hành xét xử, để các bên đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm; ông T xin đoàn tụ nhưng không có mặt, không đưa ra biện pháp hàn gắn hôn nhân của mình, điều này chứng tỏ ông T không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, nếu duy trì cuộc hôn nhân này thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014); Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên là Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày: 26/10/2010. Ly hôn bà có ý kiến trực tiếp nuôi con chung, trường hợp ông T có ý kiến trực tiếp nuôi con chung bà đồng ý giao cho ông T nuôi con; Tại bản tự khai ngày 14/7/2020 con chung có ghi nhận ý kiến “Nguyên vọng của con muốn sống cùng Cha - mẹ”. Nên Hội đồng xét xử thấy giao con chung cho ai trực tiếp nuôi cũng phù hợp tuy nhiên, để bà H trực tiếp chăm sóc con chung thuận tiện và ông T công việc hay xa nhà không thuận tiện trực tiếp nuôi con chung. Xét để đảm bảo sự phát triển cho trẻ em là con chung của bà H và ông T nên giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử đã giải thích pháp luật về quyền của trẻ em được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T. Không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em, nếu các đương sự thực hiện việc trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên không tốt thì có thể yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu được thay đổi cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng) theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 174; Điều 175; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);
- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội (Quy định về án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Cao Thị H với ông Nguyễn Ngọc T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.
- Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Tuấn A (nam), sinh ngày: 26/10/2010 cho bà Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T. Không ai có quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em, nếu các đương sự thực hiện việc trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên không tốt thì có thể yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu được thay đổi cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có; Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí:

- Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu 002477 ngày 04/5/2020 thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2020) đối với nguyên đơn và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- UBND phường;
- Lưu HSVA.

Lê Thiên Bảo